

Số: /QĐ-UBND

Xuân Cao, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Hệ thống tài liệu theo Tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Xuân Cao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN CAO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND xã Xuân Cao về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã Xuân Cao

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND xã Xuân Cao (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê, các Thành viên Ban chỉ đạo ISO UBND xã, phụ trách các lĩnh vực và các cá nhân được phân công công việc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ này;
- Sở KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, BCD.

CHỦ TỊCH

Lê Bá Tiến

DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001: 2015 TẠI UBND XÃ XUÂN CAO
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND xã ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND xã Xuân Cao)

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
I	Tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn		
1.	Sổ tay chất lượng	ST.01	
2.	Quy trình Quản lý Thông tin dạng văn bản (Tài liệu, hồ sơ)	QT.01	
3.	Quy trình Quản lý rủi ro, cơ hội	QT.02	
4.	Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ	QT.03	
5.	Quy trình Kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục	QT.04	
II	Các Quy trình kiểm soát các lĩnh vực theo Thủ tục hành chính		
6.	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	QT.BPMC01	
	1. Lĩnh vực Đất đai	QT.KS01-ĐĐ	
1.	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)		
	2. Lĩnh vực Văn hoá cơ sở	QT.KS02 - VH	
2.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm		
3.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa		
	3. Lĩnh vực Người có công	QT.KS03 - NCC	
4.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
5.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
6.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh		
	4. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	QT.KS04-BTXH	
7.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
8.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		
9.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		
10.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
11.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay		

	<i>đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>		
12.	<i>Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</i>		
13.	<i>Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng</i>		
14.	<i>Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm</i>		
15.	<i>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện</i>		
16.	<i>Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng</i>		
17.	<i>Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở</i>		
18.	<i>Thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 (đối với các đối tượng mà thân nhân hoặc cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý).</i>		
	5. Lĩnh vực Hộ tịch	QT.KS05-HT	
19.	<i>Đăng ký khai sinh</i>		
20.	<i>Đăng ký kết hôn</i>		
21.	<i>Đăng ký khai tử</i>		
22.	<i>Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch</i>		
23.	<i>Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân</i>		
24.	<i>Đăng ký lại khai sinh</i>		
25.	<i>Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</i>		
26.	<i>Đăng ký lại kết hôn</i>		
27.	<i>Đăng ký lại khai tử</i>		
28.	<i>Cấp bản sao Trích lục hộ tịch</i>		
29.	<i>Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.</i>		
30.	<i>Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.</i>		
	6. Lĩnh vực Chứng thực	QT.KS06-CT	
31.	<i>Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam</i>		

	<i>cấp hoặc chứng nhận</i>		
32.	<i>Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực</i>		
33.	<i>Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở</i>		
34.	<i>Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản</i>		
35.	<i>Thủ tục chứng thực di chúc</i>		
36.	<i>Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở</i>		
37.	<i>Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở</i>		
	7. Lĩnh vực Dân số	QT.KS07-DS	
38.	<u><i>Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số</i></u>		
	8. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	QT.KS08-TĐKT	
39.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị.</i>		
40.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề.</i>		
41.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất.</i>		
42.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình.</i>		
43.	<i>Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến</i>		
	9. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, xử lý đơn thư	QT.KS09.GQ KNTC	
44.	<i>Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã</i>		
45.	<i>Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã</i>		
46.	<i>Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã</i>		
47.	<i>Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã</i>		
	10. Lĩnh vực Chính sách	QT.KS10-CS	
48.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</i>		
49.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)</i>		
50.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với</i>		

	<i>quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương</i>		
51.	<i>Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP</i>		
52.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)</i>		
	11. Lĩnh vực Bảo hiểm		
53.	<i>Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp</i>	QT.KS11-BH	
	12. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai		
54.	<i>Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai</i>	QT.KS12-PCTT	
55.	<i>Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh</i>		
56.	<i>Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội</i>		
57.	<i>Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội</i>		
	13. Lĩnh vực Nông nghiệp		
58.	<i>Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh</i>	QT.KS13-NN	
59.	<i>Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô</i>		
60.	<i>Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu</i>		
61.	<i>Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững</i>		
62.	<i>Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả</i>		
63.	<i>Hỗ trợ chi phí chuyển đổi cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây gai xanh</i>		